

Số: /TTr-UBND

Côn Đảo, ngày tháng năm 2023

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị thông qua Kế hoạch sử dụng đất năm 2024
của huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Côn Đảo

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương sửa đổi 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch năm 2017;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ quy định về việc quản lý, sử dụng đất lúa;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BTNMT ngày 06/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của huyện Côn Đảo;

Căn cứ Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 10/12/2022, Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 10/12/2022, Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 14/7/2023, Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 365/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Côn Đảo;

Căn cứ Văn bản số 3712/STNMT-QLĐĐ ngày 14/6/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc tổ chức lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cấp huyện;

Căn cứ Văn bản số 8827/UBND-VP ngày 10/7/2023 của UBND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu về việc tổ chức lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cấp huyện;

Căn cứ Văn bản số 2262/UBND-TNMT ngày 14/7/2023 của UBND huyện Côn Đảo về báo cáo kết quả thực hiện các Nghị quyết thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2023; Lập danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng để thực hiện trong năm 2023 và Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cấp huyện;

Căn cứ Văn bản số 4715/ STNMT-QLĐĐ ngày 21/7/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về báo cáo báo cáo kết quả thực hiện các Nghị quyết thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2023; Lập danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng để thực hiện trong năm 2024 và lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cấp huyện;

Căn cứ Văn bản số 5541/STNMT-QLĐĐ ngày 23/8/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kế hoạch thẩm định danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng để thực hiện trong năm 2024 và hồ sơ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cấp huyện;

Căn cứ Văn bản số 5861/STNMT-QLĐĐ ngày 06/9/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường v/v tiến độ triển khai báo cáo kết quả thực hiện các Nghị quyết thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2023; Lập danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng để thực hiện trong năm 2024;

Căn cứ Báo cáo số 396/BC-UBND ngày 18/9/2023 của UBND huyện Côn Đảo về kết quả thực hiện các Nghị quyết thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2023; Lập danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng để thực hiện trong năm 2023 và Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Côn Đảo.

Tại điểm a khoản 2 Điều 26 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi năm 2019) có quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân huyện trong lĩnh vực kinh tế, tài nguyên, môi trường như sau:

“a) Thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trung hạn và hằng năm của huyện, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;”

Đến nay, công tác lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện đã cơ bản hoàn thành. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện kính trình Hội đồng nhân dân huyện Côn Đảo xem xét, thông qua dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện trước khi trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Côn Đảo.

1.1. Tình hình triển khai thực hiện các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023:

Theo Quyết định số 365/QĐ-UBND ngày 01/03/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Côn Đảo: Trên địa bàn huyện Côn Đảo đăng ký thực hiện 60 dự án. (Trong đó: 21 dự án thu hồi; 38 dự án giao đất cho thuê đất; 1 dự án chuyển mục đích sử dụng đất) và 29 khu đất đăng ký kế hoạch sử dụng đất để thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận theo Văn bản 7093/STNMT-VPĐK. Kết quả thực hiện như sau:

Stt	Nội dung	Theo số lượng dự án		Theo diện tích		Ghi chú
		Số lượng (dự án)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	
	Tổng số dự án đăng ký thực hiện kế hoạch năm 2023	89		204,06		
A	Dự án thu hồi đất	21	100	100,80	100	
1	Dự án đã thực hiện xong thủ tục thu hồi đất	4	19,05	5,38	5,34	Không chuyển tiếp KH2024

Stt	Nội dung	Theo số lượng dự án		Theo diện tích		Ghi chú
		Số lượng (dự án)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	
2	Dự án đã thực hiện được một phần diện tích	3	14,29	13,25	13,14	Chuyển tiếp KH năm 2024
3	Các dự án đang thực hiện thu hồi đất	5	23,81	54,64	54,21	Chuyển tiếp KH năm 2024
4	Các dự án chưa hoặc chậm thực hiện	9	42,86	27,53	27,31	Không chuyển tiếp KH2024
B	Dự án giao đất, cho thuê đất nhà nước không thu hồi đất	38	100	47,12	100	
1	Các dự án đã thực hiện	9	23,68	4,1	8,70	Không chuyển tiếp KH2024
2	Dự án đang thực hiện	22	57,89	21,69	46,03	Chuyển tiếp KH năm 2024
3	Dự án chưa thực hiện	7	18,42	21,33	45,27	Không chuyển tiếp KH2024
C	Dự án chuyển mục đích sử dụng đất	1	100	0,30	100	
1	Dự án đang thực hiện	1	100,00	0,30	100,00	
D	Khu đất đăng ký giao đất, cho thuê đất theo văn bản 7093/STNMT-VPĐK	29	100	55,84	100	
1	Dự án đang thực hiện	28	96,55	55,73	99,80	Chuyển tiếp KH năm 2024
2	Dự án chưa thực hiện	1	3,45	0,11	0,20	Không chuyển tiếp KH2024

(Chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm).

1.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023:

(1) Đối với tổng diện tích tự nhiên:

Tổng diện tích tự nhiên của huyện Côn Đảo là 7.578,87 ha (theo kết quả thống kê đất đai năm 2022).

(2). Đối với nhóm đất nông nghiệp:

Diện tích đất nông nghiệp theo hiện trạng năm 2022 là 6.668,51 ha, chỉ tiêu tỉnh phê duyệt kế hoạch năm 2023 là 6.591,08 ha. Dự kiến sau khi kế hoạch được

duyệt sẽ chuyển diện tích 77,43 ha từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp. Kết quả thực hiện đến cuối năm 2023 tăng 66,82 ha. Diện tích tăng nguyên nhân chủ yếu do thực hiện rà soát lại ranh giới pháp lý đất rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo số liệu diễn biến rừng năm 2021 đã được công bố theo Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt kết quả cập nhật, theo dõi diễn biến rừng và công bố hiện trạng rừng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và rà soát bổ sung ranh giới 03 loại rừng đã được phê duyệt tại quyết định số 2670/QĐ-UB ngày 11 tháng 4 năm 2002 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt công trình đầu tư xác định ranh giới cắm mốc các loại rừng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (*gọi chung là cập nhật lại ranh giới đất lâm nghiệp*).

(3). Đối với nhóm đất phi nông nghiệp:

Diện tích đất phi nông nghiệp theo hiện trạng năm 2022 là 758,17 ha, chỉ tiêu tỉnh phê duyệt kế hoạch năm 2023 là 845,54 ha. Dự kiến sau khi kế hoạch được duyệt sẽ chuyển diện tích 87,37 ha từ đất nông nghiệp và đất chưa sử dụng sang đất phi nông nghiệp. Kết quả thực hiện đến cuối năm 2023 giảm 71,85 ha. Nguyên nhân: *do cập nhật lại ranh giới đất lâm nghiệp (các tuyến đường mòn phục vụ cho việc tuần tra rừng thuộc hạng mục các công trình hạ tầng cơ sở kỹ thuật trong rừng theo thiết kế phục vụ cho bảo vệ, phát triển rừng được quy định tại Điều 51, Luật Lâm nghiệp, nay kiểm kê lại là đất rừng theo đúng chức năng và quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT)*.

(4) Đối với nhóm đất chưa sử dụng:

Đối với nhóm đất chưa sử dụng: Hiện trạng năm 2022 là 152,19 ha, chỉ tiêu được tỉnh phê duyệt kế hoạch năm 2023 là 142,25 ha. Dự kiến sau khi kế hoạch được duyệt năm 2023 sẽ chuyển 9,94 ha đất chưa sử dụng sang đất phi nông nghiệp. Kết quả thực hiện đến năm 2023 tăng 5,03 ha. Nguyên nhân: chủ yếu là do cập nhật lại ranh giới pháp lý đất lâm nghiệp;

(Chi tiết theo Phụ lục 02 đính kèm).

1.3. Đánh giá tồn tại, nguyên nhân thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023:

Trong quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất có những vướng mắc, hạn chế phát sinh, dẫn đến một số chỉ tiêu sử dụng đất chưa đạt so với chỉ tiêu kế hoạch được phê duyệt. Cụ thể như sau:

- Chính sách pháp luật về đất đai có nhiều thay đổi, phát sinh nhiều khó khăn, vướng mắc liên quan đến chính sách bồi thường giải phóng mặt bằng:

+ Việc chuyển mục đích sử dụng đất rừng theo Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản dưới luật chưa được quy định cụ thể. Chủ đầu tư dự án phải thực hiện theo

trình tự, thủ tục và trình cấp thẩm quyền phê duyệt chuyển mục đích sử dụng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất sang mục đích khác theo quy định của Luật Lâm nghiệp, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp. Đồng thời, việc thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất rừng kéo dài làm ảnh hưởng đến tiến độ dự án như: Đường Nguyễn Văn Trỗi nối dài theo quy hoạch; Tuyến đường nối từ khu tái định cư trung tâm đến đường Võ Thị Sáu; Đường Phan Chu Trinh nối dài theo quy hoạch; Nhà máy xử lý rác Côn Đảo; Xây dựng kết cấu hạ tầng khu dân cư số 3;...

- Một số dự án đầu tư có nguồn vốn từ ngân sách, còn nhiều vướng mắc, trong việc thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất sau khi đã hoàn thành công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, như dự án: Trạm tiếp sóng phát thanh truyền hình tỉnh, Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Lô K, Nhà vệ sinh công cộng, Cửa hàng bình ổn giá Côn Đảo,...

Công tác xác nhận trực tiếp đất sản xuất nông nghiệp và thời điểm sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân để tính bồi thường cho các hộ dân thủ tục phức tạp và mất nhiều thời gian.

Một số dự án, công trình đã triển khai thi công và xây dựng xong công trình nhưng chủ đầu tư chưa lập thủ tục giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định, như: dự án đăng ký thực hiện giao đất theo văn bản 7093/STNMT-VPĐK ngày 14/10/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường và dự án Trụ sở Trạm cung cấp nước huyện Côn Đảo.

+ Đối với dự án vốn ngân sách: Khó khăn trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng; Chủ đầu tư chưa quan tâm, đẩy nhanh tiến độ thực hiện giao đất, chuyển mục đích sau khi đã hoàn thành công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng. Còn tình trạng chủ đầu tư thi công thực hiện dự án sau khi hoàn thành việc bồi thường, giải phóng mặt bằng khi chưa được cơ quan có thẩm quyền giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Do đó, đây là nguyên nhân chính dẫn đến tỷ lệ dự án giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất không cao.

+ Đối với dự án ngoài ngân sách: Do tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn nên việc huy động nguồn vốn đầu tư của các dự án chưa được đảm bảo dẫn đến chủ đầu tư chưa tích cực triển khai thực hiện dự án, cũng như liên hệ để lập thủ tục xin giao đất và chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định.

2. Nội dung kế hoạch sử dụng đất năm 2024

2.1. Diện tích, cơ cấu các loại đất:

Trong năm kế hoạch 2024, tổng diện tích đất tự nhiên trên địa bàn huyện là

7.767,25 ha. Trong đó:

a) Đối với nhóm đất nông nghiệp: Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp năm 2023 là 6.735,33 ha. Năm 2024, diện tích đất nông nghiệp theo kế hoạch dự kiến là 6.688,94 ha, giảm so với hiện trạng là 46,39ha, chiếm tỷ lệ 88,26% so với diện tích tự nhiên.

b) Đối với nhóm đất phi nông nghiệp: Hiện trạng sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2023 là 686,32 ha. Năm 2024, diện tích đất phi nông nghiệp theo kế hoạch dự kiến là 738,61 ha, tăng so với hiện trạng là 52,29 ha, chiếm tỷ lệ 9,75% so với diện tích tự nhiên.

c) Đối với nhóm đất chưa sử dụng: Hiện trạng sử dụng đất chưa sử dụng năm 2023 là 157,22 ha. Năm 2024, diện tích đất chưa sử dụng theo kế hoạch dự kiến là 151,32 ha, giảm so với hiện trạng là 5,90 ha, chiếm tỷ lệ 2% so với diện tích tự nhiên.

(Chi tiết theo Phụ lục 03 đính kèm).

2.2. Kế hoạch thu hồi đất trong năm 2024: Kế hoạch cần thu hồi **47,66** ha diện tích đất. Trong đó: Đất nông nghiệp là **44,38** ha và đất phi nông nghiệp là 3,28 ha.

(Chi tiết theo các Phụ lục 04, 06, 07 đính kèm; vị trí được thể hiện trên Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2024).

2.3. Kế hoạch chuyển mục đích trong năm 2024: Kế hoạch cần chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp là 16,07 ha. Trong đó: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư là 15,15 ha và diện tích chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân là 0,92 ha (gồm, đất ở: 0,90 ha; đất thương mại dịch vụ: 0,02 ha).

(Chi tiết theo các phụ lục 05 và 08 đính kèm; vị trí được thể hiện trên Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2024).

2.4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng trong năm 2024: Để khai thác triệt để và có hiệu quả tiềm năng đất đai, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất các ngành; trong kế hoạch năm 2024 sẽ khai thác 5,90 ha diện tích đất chưa sử dụng vào mục đích đất giao thông (*Dự án Nâng cấp mở rộng Cảng hàng không Côn Đảo*).

3. Các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất đến năm 2024: Sau khi Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Côn Đảo được phê duyệt, sẽ được tổ chức triển khai thực hiện như sau:

- Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2024 trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Đầu tư đồng bộ xây dựng kết cấu hạ tầng kết hợp với phát triển đô thị; ưu tiên dành quỹ đất cho các nhu cầu phát triển công nghiệp, dịch vụ, xây dựng đô thị, khu dân cư, đất xây dựng cơ sở hạ tầng, an ninh quốc phòng, giáo dục, y tế, thể dục thể thao và văn hoá trên cơ sở ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sử dụng tài nguyên đất đai bền vững. Khuyến khích đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên toàn huyện, tạo điều kiện cho các đối tượng sử dụng đất có hiệu quả, bảo vệ tài nguyên và môi trường.

- Tổ chức giám sát, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị được giao làm Chủ đầu tư dự án sớm hoàn thành các thủ tục pháp lý để thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng và giao, cho thuê đất trước khi triển khai xây dựng dự án theo đúng quy định pháp luật.

- Tiếp tục theo dõi tình hình biến động, cập nhật kịp thời những thông tin mới nhất về đất đai để điều chỉnh bổ sung, nhằm đảm bảo tính thống nhất và hiệu quả thực tiễn của kế hoạch sử dụng đất, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Nghiên cứu, đề xuất cải tiến quy trình thực hiện thủ tục hành chính theo hướng đơn giản hoá, hiệu quả đối với các thủ tục như: thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, ... Tạo môi trường thuận lợi, chính sách đầu tư thông thoáng nhằm khuyến khích các nhà đầu tư.

- Đề nâng cao kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo cam kết thực hiện theo kế hoạch đề ra.

Ủy ban nhân dân huyện kính trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, thông qua./.

(Kèm theo: Hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Côn Đảo).

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTr. Huyện ủy (b/c);
- TTr. HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Các Phòng: TN&MT, TC-KH, Ban QLDA ĐTXD huyện;
- Văn phòng HĐND&UBND huyện;
- Lưu: VT, TH, TNMT(quang).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC 1:
TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN TRONG NĂM 2023
HUYỆN CÔN ĐÀO

Đơn vị tính: ha

Stt	Tên dự án	Loại đất	Địa điểm	Diện tích thực hiện năm 2023	Đã thực hiện	Diện tích đăng ký thực hiện năm 2024	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
TỔNG CỘNG: 89 dự án				204,06	5,38	128,52		
A	Dự án thu hồi đất (21 dự án)			100,80	5,38	53,36		
I	Dự án thực hiện xong thủ tục thu hồi đất (4 dự án)			5,38	5,38			
1	Tuyến đường nội bộ khu dân cư số 9 theo quy hoạch	DGT	Trung tâm	0,11	0,11		Đã hoàn thành	Không chuyển tiếp thủ tục thu hồi đất trong KH2024
2	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư trung tâm huyện Côn Đảo (tên dự án cũ: Cơ sở hạ tầng khu TĐC theo quy hoạch trung tâm Côn Đảo khu 9A)	ONT	Trung tâm	0,25	0,25		Đã hoàn thành	-nt-
3	Đường trục phía Bắc trung tâm Côn Đảo	DGT	Trung tâm	4,89	4,89		Đã hoàn thành	-nt-
4	Văn phòng đại diện cảng vụ hàng hải Vũng Tàu tại Côn Đảo	DTS	Bến Đầm	0,13	0,13		Đã hoàn thành	-nt-
II	Dự án đã thực hiện được một phần diện tích (3 dự án)			13,25		7,28		
1	Xây dựng các tuyến đường quy hoạch trục chính xung quanh khu TĐC 9A	DGT	Trung tâm	0,82		0,13	Đang triển khai thực hiện công tác BTGPMB	Chuyển tiếp KH2024
2	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu trung tâm Côn Đảo (Hạng mục: Xây dựng một số tuyến đường mới khu dân cư số 3) giai đoạn 2	DGT	KDC số 3, huyện Côn Đảo	7,08		6,30	Đang triển khai thực hiện bồi thường GPMB	-nt-
3	Mở rộng, nạo vét hồ An Hải	DTL	Trung tâm	5,35		0,85	- Dự án đã thi công hoàn thiện nạo vét lòng hồ và hạng mục kè, đang triển khai thi công các hạng mục còn lại. - Đã thực hiện thi công dự án trên phần đất nhà nước quản lý là 22,5 ha, còn lại khoảng 0,85ha đất nhà nước quản lý người dân đang sử dụng chưa triển khai thi công	-nt-
III	Dự án đang thực hiện thủ tục thu hồi đất (5 dự án)			54,64		46,08		
1	Nhà công vụ công an Huyện Côn Đảo	CAN	Trung tâm	0,17		0,17	Đang triển khai thủ tục pháp lý	Chuyển tiếp KH2024
2	Các tuyến đường vào nhà ở xã hội huyện Côn Đảo	DGT	KDC số 7, huyện Côn Đảo	0,72		0,72	Đang triển khai thực hiện công tác BTGPMB	-nt-
3	Dự án Nâng cấp mở rộng Cảng hàng không Côn Đảo	DGT	Cô Ông, huyện Côn Đảo	53,48		44,88	Hiện đang triển khai thực hiện theo phương thức PPP theo Thông báo số 110/TB-VPCP ngày 04/4/2023 của Văn phòng Chính phủ	-nt-

Stt	Tên dự án	Loại đất	Địa điểm	Diện tích thực hiện năm 2023	Đã thực hiện	Diện tích đăng ký thực hiện năm 2024	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
4	Hồ chứa nước Lò Voi	DTL	Trung tâm	0,06		0,06	Dự án đã thu hồi diện tích 3,83 ha/ 07 hộ, tổ chức. Đang triển khai công tác đo đạc hạng mục đường vào hồ khoảng 0,06 đất dân (đất BHK) và kênh dân sau tràn thuộc Hạng mục tràn xả lũ - Đất Nhà nước quản lý với Phần diện tích khoảng 0,31ha;	-nt-
5	Bảo tồn tôn tạo di tích lịch sử Côn Đảo	DDT	Trung tâm	0,21		0,25	Đã phê duyệt dự án đầu tư	-nt-
IV	Các dự án chưa hoặc chậm thực hiện (9 dự án)			27,53				
1	Nạo vét hồ Quang Trung 1	DTL	Trung tâm	21,75			Thu hồi trên đất nhà nước, đã phê duyệt chủ trương đầu tư, đang lập hồ sơ trình điều chỉnh dự án, chuyển qua giao thuê đất	-nt-
2	Đường Nguyễn Văn Trỗi nối dài theo quy hoạch	DGT	Trung tâm	0,13			Đất rừng có rừng tự nhiên chưa được Thủ tướng chấp thuận chủ trương chuyển rừng, tạm ngưng bố trí vốn, lùi thời gian thực hiện 2024-2025	-nt-
3	Đường Phan Chu Trinh nối dài theo quy hoạch	DGT	KDC số 2, Huyện Côn Đảo	0,13			Đất rừng có rừng tự nhiên chưa được Thủ tướng chấp thuận chủ trương chuyển rừng	-nt-
4	Nâng cấp đường Lưu Chí Hiếu - Giai đoạn 2	DGT	KDC số 9, huyện Côn Đảo	0,50			Chưa thực hiện thu hồi, trong thời gian thực hiện thủ tục đầu tư, người dân có ý kiến về sự cần thiết cho việc mở rộng đường	-nt-
5	Chỉnh lý Trung bày kết hợp mở rộng Bảo tàng Côn Đảo	DDT	Trung tâm Côn Đảo	0,35			Chưa có bố trí vốn	-nt-
6	Nhà máy xử lý rác huyện Côn Đảo	DRA	Bến Đầm	1,92			Chưa thu hồi đất, chưa CMD sử dụng đất, chưa CMD sử dụng rừng, do dự án không nằm trong tiêu chí được CMD rừng đặc dụng tự nhiên sang rừng khác thuộc thẩm quyền thủ tướng chính phủ. Đối với nội dung này, Sở nông nghiệp có văn bản 4059/SNN-NVTH ngày 11/9/2023 V/v cung cấp thông tin liên quan đến dự án Nhà máy xử lý rác Côn Đảo, chuyển sang đấu giá, đấu thầu QSDĐ	-nt-
7	Tuyến đường nối từ khu tái định cư trung tâm đến đường Võ Thị Sáu	DGT	Trung tâm	0,43			Đất rừng có rừng tự nhiên chưa được Thủ tướng chấp thuận chủ trương chuyển rừng, tạm ngưng bố trí vốn, lùi thời gian thực hiện 2024-2025	-nt-
8	Kho Lương Dụng Huyện Côn Đảo	CQP	Đường Võ Thị Sáu, KDC số 7, huyện Côn Đảo	1,26			Chưa phê duyệt dự án, chưa bố trí vốn BTGPMB trong năm 2024	-nt-

Stt	Tên dự án	Loại đất	Địa điểm	Diện tích thực hiện năm 2023	Đã thực hiện	Diện tích đăng ký thực hiện năm 2024	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
9	Xây dựng nhà máy nước sinh hoạt huyện Côn Đảo công suất 10,000m ³ /ng.đêm	SKC	Trung tâm	1,06			Chưa có bố trí vốn và phê duyệt dự án, chưa có nhà đầu tư, chuyển qua đấu giá, đấu thầu QSDD	Chuyển tiếp KH2024
B	Các công trình, dự án giao, thuê đất (38 dự án)			47,12		19,55		
I	Dự án thực hiện xong thủ tục giao, thuê đất (9 dự án)			4,10				
1	Xây dựng một số tuyến đường theo QH khu Bến Đầm	DGT	Khu Bến Đầm	0,59			Đã hoàn thành thủ tục giao, thuê đất	Không chuyển tiếp KH2024
2	Nâng cấp tuyến đường Võ Thi Sáu, huyện Côn Đảo	DGT	Trung tâm	1,09			Đã hoàn thành thủ tục giao, thuê đất	-nt-
3	Cải tạo tuyến đường vào công chính nghĩa trang Hàng Dương (giai đoạn 2)	DGT	Trung tâm	0,61			Đã hoàn thành thủ tục giao, thuê đất	-nt-
4	Tuyến đường kết nối từ KDC 9a đến đường Nguyễn Văn Cừ	DGT	Trung tâm	0,42			Đã hoàn thành thủ tục giao, thuê đất	-nt-
5	Tuyến đường theo quy hoạch nối đường trục phía Bắc và đường Phan Chu Trinh	DGT	KDC số 2, huyện Côn Đảo	0,31			Đã hoàn thành thủ tục giao, thuê đất	-nt-
6	Nâng cấp đường Dương Thanh Khiết	DGT	KDC số 2, huyện Côn Đảo	0,07			Đã hoàn thành thủ tục giao, thuê đất	-nt-
7	Nâng cấp đường Tạ Uyên	DGT	KDC số 3, huyện Côn Đảo	0,37			Đã hoàn thành thủ tục giao, thuê đất	-nt-
8	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch khu dân cư phía Bắc Nghĩa trang Hàng Dương	DGT	Trung tâm	0,44			Đã hoàn thành thủ tục giao, thuê đất	-nt-
9	Nâng cấp hệ thống cấp nước Cỏ Ống - Bến Đầm	DTL	Bến Đầm - Cỏ Ống	0,20			Đã hoàn thành thủ tục giao, thuê đất	-nt-
II	Dự án đang thực hiện thủ tục giao, thuê đất (22 dự án)			21,69		19,55		
1	Trạm rada phòng không 367	CQP	Đỉnh Núi Thánh Giá	0,30		0,30	Đang làm thủ tục xin cấp GCNQSDD	Chuyển tiếp KH2024
	Trạm rada phòng không 367	CQP	Chân Núi Thánh Giá	3,00		3,00		
2	Trụ sở đội cảnh sát PCCC huyện Côn Đảo	CAN	Trung tâm	0,27		0,27	Đang làm thủ tục giao đất	-nt-
3	Xây dựng 2 bê điều áp đầu các tuyến Bến Đầm, Cỏ Ống	TMD	Bến Đầm, Cỏ Ống	0,06		0,06	Đang làm thủ tục giao đất	-nt-
4	Kéo dài đường trước mặt Trường THCS Lê Hồng Phong đến điểm giao với đường Nguyễn Huệ	DGT	Trung tâm	0,42		0,42	Đang làm thủ tục giao đất	-nt-
5	Cảng tàu khách Côn Đảo	DGT	KDC số 5, huyện Côn Đảo	2,10		1,84	Đang làm thủ tục giao đất	-nt-
6	Cấp điện từ lưới điện quốc gia cho huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Trạm biến áp 110 KV và hành lang an toàn	DNL	Trung tâm	0,18		0,18	Đang làm thủ tục giao đất	-nt-

Stt	Tên dự án	Loại đất	Địa điểm	Diện tích thực hiện năm 2023	Đã thực hiện	Diện tích đăng ký thực hiện năm 2024	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
	xây dựng lưới điện 110kV từ vị trí tiếp bờ Côn Đảo)							
7	Đầu tư mới Trung tâm y tế Quân dân y	DYT	Trung tâm	1,14		1,14	Đang làm thủ tục giao đất	-nt-
8	Trường tiểu học Côn Đảo k10	DGD	KDC số 3, huyện Côn Đảo	0,50		0,50	Đang làm thủ tục giao đất	-nt-
9	Chùa Núi Một	DDT	Khu An Hải	1,99		0,13	Đang làm thủ tục giao đất	-nt-
10	Hệ thống thu gom xử lý nước thải khu trung tâm Côn Đảo	DRA	Trung tâm	1,48		1,48	Đang làm thủ tục giao đất	-nt-
11	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Lô K	ONT	Trung tâm	0,80		0,80	Đang làm thủ tục giao đất	-nt-
12	Nhà ở xã hội	ONT	Trung tâm	0,64		0,64	Đang làm thủ tục giao đất	-nt-
13	Chốt kiểm dịch động vật Bến Đầm	DTS	Khu Bến Đầm	0,15		0,15	Đang làm thủ tục giao đất	-nt-
14	Văn phòng đại diện cảng vụ hàng hải tại Vũng Tàu	DTS	Bến Đầm	0,13		0,11	Đang làm thủ tục giao đất	-nt-
15	Nhà vệ sinh công cộng	DKV	Đường Nguyễn Huệ	0,02		0,02	Đang làm thủ tục giao đất	-nt-
16	Nâng cấp đường vào bãi Đầm Trầu	DGT	Khu Cỏ Ống	1,58		1,58	Đang làm thủ tục giao đất	-nt-
17	Nhà máy nước Lớn (Xây dựng Bê chứa nước tại Nhà máy nước Lớn)	SKC	Đường Huỳnh Thúc Kháng, khu 3, huyện Côn Đảo	0,45		0,45	Đang làm thủ tục giao đất	-nt-
18	Viễn thông Bà Rịa Vũng Tàu	DBV	Cỏ ống	0,49		0,49	Đang làm thủ tục giao đất	-nt-
19	Viễn thông Bà Rịa Vũng Tàu	DBV	Bến Đầm	0,49		0,49	Đang làm thủ tục giao đất	-nt-
20	Nhà máy nước nhỏ (Cải tạo, sửa chữa nhà quản lý trạm bơm nhà máy nước nhỏ)	TSC	23 Võ Thị Sáu, KDC số 6, huyện Côn Đảo	0,18		0,18	Đang làm thủ tục giao đất	-nt-
21	Xây dựng trụ sở Trạm Cung Cấp Nước huyện Côn Đảo	DTS	KDC số 7, huyện Côn Đảo	0,30		0,30	Đang làm thủ tục giao đất	-nt-
22	Nâng cấp tuyến đường Huỳnh Thúc Kháng	DGT	KDC số 3, huyện Côn Đảo	5,02		5,02	Đang làm thủ tục giao đất	-nt-
III	Dự án không tiếp tục thực hiện (7 dự án)			21,33				
1	Hồ chứa nước Suối Ốt	DTL	Khu Cỏ Ống	2,18			Dự án đã thu hồi rồi, chưa thực hiện thủ tục giao thuê do vướng thủ tục thanh tra, chưa CMD sử dụng rừng tự nhiên sang rừng khác theo quy định của Luật lâm nghiệp	Không chuyển tiếp KH2024
2	Kho bãi chứa hàng tại cảng Bến Đầm	TMD	KDC số 10, huyện Côn Đảo	3,22			Chủ đầu tư không đăng ký thực hiện trong KH2024	-nt-
3	Trụ sở đội giao thông công chánh Huyện Côn Đảo	TMD	Trung tâm	0,31			Dự án đã thực hiện xong nhưng chưa đủ điều kiện thực hiện thủ tục giao, thuê đất trong KH2024	-nt-

Stt	Tên dự án	Loại đất	Địa điểm	Diện tích thực hiện năm 2023	Đã thực hiện	Diện tích đăng ký thực hiện năm 2024	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
4	Cửa hàng bình ổn giá Côn Đảo.	TMD	Trung tâm	0,05			Dự án đã thực hiện xong nhưng chưa đủ điều kiện thực hiện thủ tục giao, thuê đất trong KH2024	-nt-
5	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Côn Đảo	TMD	KDC số 10, huyện Côn Đảo	12,00			Dự án đã thực hiện xong nhưng chưa đủ điều kiện thực hiện thủ tục giao, thuê đất trong KH2024	-nt-
6	Cảng cá Bến Đầm	DGT	Bến Đầm	2,77			Dự án đã thực hiện xong nhưng chưa đủ điều kiện thực hiện thủ tục giao, thuê đất trong KH2024	-nt-
7	Trạm tiếp sóng phát thanh truyền hình tỉnh	DBV	Trung tâm, Cỏ Ống, Bến Đầm	0,80			Dự án đã thực hiện xong nhưng chưa đủ điều kiện thực hiện thủ tục giao, thuê đất trong KH2024	-nt-
C	Các công trình chuyển mục đích sử dụng đất (1 dự án)			0,30				
I	Dự án đang thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất (1 dự án)			0,30				
1	Xây dựng trụ sở Trạm Cung Cấp Nước huyện Côn Đảo	DTS	KDC số 7, huyện Côn Đảo	0,30			Đang thực hiện	
D	Các khu đất đăng ký giao, thuê đất, cấp GCNQSDĐ theo văn bản 7093/STNMT-VPĐK (29 dự án)			55,84		55,61		
I	Dự án đang thực hiện thủ tục giao, thuê đất (28 dự án)			55,73		55,61		
1	Trung tâm Bảo tồn di tích Quốc gia Côn Đảo (Phòng điều tra)	DDT	Trung tâm	0,05		0,05	Đang thực hiện hồ sơ giao đất	Chuyển tiếp KH2024
2	Trung tâm Bảo tồn di tích Quốc gia Côn Đảo (Sở Cò)	DDT	Trung tâm	0,15		0,15	-nt-	-nt-
3	Trung tâm Bảo tồn di tích Quốc gia Côn Đảo (Nhà Chúa Đảo)	DDT	Trung tâm	2,08		2,08	-nt-	-nt-
4	Trung tâm Bảo tồn di tích Quốc gia Côn Đảo (Trại Phú Hải)	DDT	Trung tâm	1,29		1,29	-nt-	-nt-
5	Trung tâm Bảo tồn di tích Quốc gia Côn Đảo (Trại Phú Sơn)	DDT	Trung tâm	1,52		1,52	-nt-	-nt-
6	Trung tâm Bảo tồn di tích Quốc gia Côn Đảo (Nghĩa trang Hàng Dương)	DDT	Trung tâm	21,44		21,44	-nt-	-nt-
7	Trung tâm Bảo tồn di tích Quốc gia Côn Đảo (Nghĩa trang Hàng Keo)	DDT	Trung tâm	9,55		9,55	-nt-	-nt-
8	Trung tâm Bảo tồn di tích Quốc gia Côn Đảo (Trại Phú Bình)	DDT	Trung tâm	2,96		2,96	-nt-	-nt-
9	Trung tâm Bảo tồn di tích Quốc gia Côn Đảo (Trại Phú An)	DDT	Trung tâm	2,94		2,94	-nt-	-nt-
10	Trung tâm Bảo tồn di tích Quốc gia Côn Đảo (Trại Phú Hưng)	DDT	Trung tâm	2,94		2,94	-nt-	-nt-

Stt	Tên dự án	Loại đất	Địa điểm	Diện tích thực hiện năm 2023	Đã thực hiện	Diện tích đăng ký thực hiện năm 2024	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
11	Trung tâm Bảo tồn di tích Quốc gia Côn Đảo (Trại Phú Phong)	DDT	Trung tâm	0,68		0,68	-nt-	-nt-
12	Trung tâm Bảo tồn di tích Quốc gia Côn Đảo (Trại Phú Tường)	DDT	Trung tâm	0,59		0,59	-nt-	-nt-
13	Trung tâm Bảo tồn di tích Quốc gia Côn Đảo (Trại Phú Thọ)	DDT	Trung tâm	1,36		1,36	-nt-	-nt-
14	Trung tâm Bảo tồn di tích Quốc gia Côn Đảo (Nhà Công quán)	DDT	Trung tâm	0,10		0,10	-nt-	-nt-
15	Trung tâm Bảo tồn di tích Quốc gia Côn Đảo (Chuồng cọp-Pháp)	DDT	Trung tâm	0,55		0,55	-nt-	-nt-
16	Trung tâm Bảo tồn di tích Quốc gia Côn Đảo (Sở lò vôi)	DDT	Trung tâm	0,50		0,50	-nt-	-nt-
17	Trung tâm Bảo tồn di tích Quốc gia Côn Đảo (Sở Muối)	DDT	Trung tâm	0,20		0,20	-nt-	-nt-
18	Trung tâm Bảo tồn di tích Quốc gia Côn Đảo (Khu biệt lập chuồng bò)	DDT	Trung tâm	0,64		0,64	-nt-	-nt-
19	Trung tâm Bảo tồn di tích Quốc gia Côn Đảo (Cầu Ma thiên lãnh)	DDT	Trung tâm	0,15		0,15	-nt-	-nt-
20	Trung tâm văn hóa thông tin thể thao Côn Đảo (KDC số 2)	DVH	Trung tâm	0,55		0,33	-nt-	-nt-
21	Trung tâm văn hóa thông tin thể thao Côn Đảo (KDC số 3)	DVH	Trung tâm	0,11		0,21	-nt-	-nt-
22	Nhà bảo tàng Côn Đảo	DVH	Trung tâm	2,06		2,06	-nt-	-nt-
23	Trung tâm Bảo tồn di tích Quốc gia Côn Đảo (Đền thờ Côn Đảo)	DDT	Trung tâm	2,55		2,55	-nt-	-nt-
24	Viện Kiểm sát nhân dân Côn Đảo (Trụ sở mới)	TSC	Trung tâm	0,19		0,19	-nt-	-nt-
25	Chi Cục thi hành án dân sự huyện Côn Đảo	TSC	Trung tâm	0,20		0,20	-nt-	-nt-
26	Ban quản lý Vườn Quốc gia (Trạm Cỏ ống)	TSC	Cỏ Ống	0,06		0,06	-nt-	-nt-
27	Ban quản lý Vườn Quốc gia Côn Đảo (Trạm kiểm lâm Cơ động)	TSC	Trung tâm	0,06		0,06	-nt-	-nt-
28	Trung tâm Bảo tồn di tích Quốc gia Côn Đảo (Cầu Tàu 914)	DDT	Trung tâm	0,26		0,26	-nt-	-nt-
II	Dự án không tiếp tục thực hiện (1 dự án)			0,11				
1	Viện Kiểm sát nhân dân Côn Đảo	TSC	Trung tâm	0,11				-nt-

PHỤ LỤC 2:

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 HUYỆN CÔN ĐẢO

Đơn vị tính: ha

Stt	Mục đích sử dụng đất	Hiện trạng 2022 ⁽¹⁾	Năm 2023				Tỷ lệ thực hiện (%)
			KHSDĐ được duyệt năm 2023 ⁽²⁾	Thực hiện đến năm 2023 ⁽³⁾	So sánh hiện trạng với		
					KH được duyệt	Kết quả thực hiện	
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)-(4)	(8)=(6)-(4)	(9)=(8)/(7)*100
	Tổng diện tích tự nhiên	7.578,87	7.578,87	7.578,87			
1	Đất nông nghiệp	6.668,51	6.591,08	6.735,33	-77,43	66,82	-86,30
	Trong đó:						
1.1	Đất lúa nước						
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>						
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	69,25	47,27	63,31	-21,98	-5,94	27,02
1.3	Đất trồng cây lâu năm	90,81	70,94	89,46	-19,87	-1,35	6,79
1.4	Đất rừng phòng hộ	610,73	577,26	683,17	-33,47	72,44	-216,43
1.5	Đất rừng đặc dụng	5.896,40	5.894,48	5.898,07	-1,92	1,67	-86,98
1.6	Đất rừng sản xuất						
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	1,32	1,13	1,32	-0,19		
1.8	Đất làm muối						
1.9	Đất nông nghiệp khác						
2	Đất phi nông nghiệp	758,17	845,54	686,32	87,37	-71,85	-82,24
	Trong đó:						
2.1	Đất quốc phòng	83,36	83,32	83,36	-0,04		
2.2	Đất an ninh	2,9	3,07	2,90	0,17		
2.3	Đất khu công nghiệp						
2.4	Đất cụm công nghiệp						
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	96,59	96,97	86,93	0,38	-9,66	-2.542,11
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	0,57	1,63	0,57	1,06		
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản						
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	5,18	5,18	5,18			
2.9	Đất hạ tầng	486,26	558,11	427,48	71,85	-58,78	-81,81
	Trong đó:						
2.9.1	Đất giao thông	320,7	385,79	266,9	65,09	-53,80	-82,65
2.9.2	Đất thủy lợi	74,61	78,89	71,97	4,28	-2,64	-61,68
2.9.3	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	7,23	7,23	7,23			
2.9.4	Đất xây dựng cơ sở y tế	2,62	2,62	2,62			
2.9.5	Đất xây dựng cơ sở giáo dục- đào tạo	7,13	7,13	7,13			
2.9.6	Đất xây dựng cơ sở thể dục- thể thao	1,29	1,29	1,29			
2.9.7	Đất công trình năng lượng	2,89	2,89	2,89			
2.9.8	Đất công trình bưu chính viễn thông	1,74	1,74	1,74			
2.9.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia						
2.9.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	62,41	62,97	60,55	0,56	-1,86	-332,14
2.9.11	Đất bãi thải, xử lý chất thải	1,96	3,88	1,48	1,92	-0,48	-25,00

Stt	Mục đích sử dụng đất	Hiện trạng 2022 ⁽¹⁾	Năm 2023				Tỷ lệ thực hiện (%)	
			KHSDD được duyệt năm 2023 ⁽²⁾	Thực hiện đến năm 2023 ⁽³⁾	So sánh hiện trạng với			
					KH được duyệt	Kết quả thực hiện		
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)-(4)	(8)=(6)-(4)	(9)=(8)/(7)*100	
2.9.12	Đất cơ sở tôn giáo							
2.9.13	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	1,6	1,6	1,6				
2.9.14	Đất cơ sở khoa học và công nghệ							
2.9.15	Đất cơ sở dịch vụ xã hội							
2.9.16	Đất chợ	2,08	2,08	2,08				
2.10	Đất có danh lam thắng cảnh							
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng							
2.12	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	3,8	3,8	3,8				
2.13	Đất ở tại nông thôn	38,29	52,47	38,46	14,18	0,17	1,20	
2.14	Đất ở tại đô thị							
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	5,25	4,59	5,25	-0,66			
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	8,12	8,55	7,79	0,43	-0,33	-76,74	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao							
2.18	Đất tín ngưỡng							
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	1,13	1,13	0,01		-1,12		
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	6,91	6,91	4,78		-2,13		
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	19,82	19,82	19,82				
3	Đất chưa sử dụng	152,19	142,25	157,22	-9,94	5,03	-50,60	

PHỤ LỤC 3:

**DIỆN TÍCH CƠ CẤU CÁC LOẠI ĐẤT TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG
ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN CÔN ĐẢO**

Đơn vị tính: ha

Stt	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
I	Loại đất		
1	Đất nông nghiệp	NNP	6.688,94
	<i>Trong đó:</i>		
1.1	Đất lúa nước	LUA	
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	52,35
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	70,84
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	666,45
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	5.898,07
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng trồng</i>	RSN	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1,23
1.8	Đất làm muối	LMU	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	738,61
	<i>Trong đó:</i>		
2.1	Đất quốc phòng	CQP	81,97
2.2	Đất an ninh	CAN	3,07
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	86,94
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,57
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	5,18
2.9	Đất phát triển hạ tầng	DHT	479,52
	<i>Trong đó:</i>		
2.9.1	Đất giao thông	DGT	318,82
2.9.2	Đất thủy lợi	DTL	71,84
2.9.3	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	7,23
2.9.4	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	2,62
2.9.5	Đất xây dựng cơ sở giáo dục- đào tạo	DGD	7,13
2.9.6	Đất xây dựng cơ sở thể dục- thể thao	DTT	1,29
2.9.7	Đất công trình năng lượng	DNL	2,89
2.9.8	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	1,74
2.9.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	
2.9.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	60,80
2.9.11	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	1,48
2.9.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON	
2.9.13	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	1,60
2.9.14	Đất cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	
2.9.15	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	
2.9.16	Đất chợ	DCH	2,08

Stt	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
2.10	Đất có danh lam thắng cảnh	DDL	
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	
2.12	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV	3,88
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	39,61
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	5,25
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	8,02
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	0,01
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	4,78
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	19,82
3	Đất chưa sử dụng	CSD	151,32
II	Khu chức năng		
1	Đất khu công nghệ cao	KCN	
2	Đất khu kinh tế	KKT	
3	Đất đô thị	KDT	
4	Khu sản xuất nông nghiệp (khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm)	KNN	70,84
5	Khu lâm nghiệp (khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất)	KLN	6.564,52
6	Khu du lịch	KDL	58,5
7	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT	5.883,15
8	Khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)	KPC	
9	Khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới)	DTC	
10	Khu thương mại - dịch vụ	KTM	86,94
11	Khu đô thị - thương mại - dịch vụ	KDV	
12	Khu dân cư nông thôn	DNT	
13	Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn	KON	5,75

Ghi chú: (*) Không tổng hợp khi tính diện tích

PHỤ LỤC 4:

KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 CỦA HUYỆN CÔN ĐẢO

Đơn vị tính: ha

Stt	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
1	Đất nông nghiệp	NNP	44,38
	<i>Trong đó:</i>		
1.1	Đất lúa nước	LUA	
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	9,94
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	17,88
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	16,47
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,09
1.8	Đất làm muối	LMU	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3,28
	<i>Trong đó:</i>		
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1,39
2.2	Đất an ninh	CAN	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,01
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	
2.9	Đất hạ tầng	DHT	1,04
	<i>Trong đó:</i>		
2.9.1	Đất giao thông	DGT	
2.9.2	Đất thủy lợi	DTL	1,04
2.9.3	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	
2.9.4	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	
2.9.5	Đất xây dựng cơ sở giáo dục- đào tạo	DGD	
2.9.6	Đất xây dựng cơ sở thể dục- thể thao	DTT	
2.9.7	Đất công trình năng lượng	DNL	
2.9.8	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	
2.9.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	
2.9.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	
2.9.11	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	
2.9.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON	
2.9.13	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	
2.9.14	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	
2.9.15	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	
2.9.16	Đất chợ	DCH	
2.10	Đất cổ danh lam thắng cảnh	DDL	

Stt	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	
2.12	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV	
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,84
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	

PHỤ LỤC 5:
KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG
ĐẤT NĂM 2024 CỦA HUYỆN CÔN ĐẢO

Đơn vị tính: ha

Stt	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng Diện tích
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	16,07
1.1	Đất lúa nước	LUA/PNN	
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	0,62
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	0,30
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	15,15
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	
1.6	Đất trồng rừng sản xuất	RSX/PNN	
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NNK/PNN	
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP	
2.3	Đất chuyên trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	
2.4	Đất chuyên trồng lúa sang đất làm muối	LUA/LMU	
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU	
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR ^(a)	
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR ^(a)	
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR ^(a)	
2.10	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	

**BIỂU 09/CH: KẾ HOẠCH ĐƯA ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG VÀO SỬ DỤNG NĂM
2023 CỦA HUYỆN CÔN ĐẢO**

Đơn vị tính: ha

Stt	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
1	Đất nông nghiệp	NNP	
	<i>Trong đó:</i>		
1.1	Đất lúa nước	LUA	
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	
1.8	Đất làm muối	LMU	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5,90
	<i>Trong đó:</i>		
2.1	Đất quốc phòng	CQP	
2.2	Đất an ninh	CAN	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	
2.9	Đất hạ tầng	DHT	5,90
	<i>Trong đó:</i>		
2.9.1	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>5,90</i>
2.9.2	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	
2.9.3	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	
2.9.4	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	
2.9.5	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục- đào tạo</i>	<i>DGD</i>	
2.9.6	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục- thể thao</i>	<i>DTT</i>	
2.9.7	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	
2.9.8	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	<i>DBV</i>	
2.9.9	<i>Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia</i>	<i>DKG</i>	
2.9.10	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	<i>DDT</i>	
2.9.11	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	
2.9.12	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	
2.9.13	<i>Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>	<i>NTD</i>	

Stt	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
2.9.14	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	
2.9.15	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	
2.9.16	Đất chợ	DCH	
2.10	Đất có danh lam thắng cảnh	DDL	
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	
2.12	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV	
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	

PHỤ LỤC 7:

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN DỰ KIẾN THỰC HIỆN THU HỒI ĐẤT TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 CỦA HUYỆN CÔN ĐẢO, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư/ Đơn vị đăng ký	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích			Loại đất cần thu hồi, chuyển mục đích						Căn cứ pháp lý		Nguồn gốc đất	Nguồn vốn	Vốn cho GPMB (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện	Ghi chú	Nghị quyết HĐND	
					Tổng DT dự án	DT đã thực hiện	Thu hồi năm 2024	Đất nông nghiệp	Trong đó					Đất phi nông nghiệp	Văn bản về chủ trương đầu tư hoặc phê duyệt dự án đầu tư							Về bố trí nguồn vốn thực hiện công tác BT, GPMB
									Đất lúa 1 vụ	Đất lúa 2 vụ	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất nông nghiệp còn lại									
TỔNG : 11 DỰ ÁN					265,56	75,16	53,53	44,15			16,24			27,91	3,48							
A	CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 (8 DỰ ÁN)				265,39	75,16	53,36	43,98			16,24			27,74	3,48							
I	Đất an ninh (1 dự án)				0,17		0,17	0,17			0,17											
1	Nhà công vụ công an Huyện Côn Đảo	Công an tỉnh BR - VT	Trung tâm	CAN	0,17		0,17	0,17			0,17				- Công văn số 819/SXD-QHKT ngày 16/3/2020 của Sở Xây dựng về giới thiệu địa điểm để thực hiện dự án đầu tư xây dựng trụ sở PCCC và Nhà công vụ Công an huyện Côn Đảo	Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, QPAN và dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2021	Đất nhà nước	Ngân sách tỉnh	2,00	Đang triển khai thủ tục pháp lý	Phù hợp QHSDD	
II	Đất giao thông (4 dự án)				196,94	8,04	52,03	42,65			16,07			26,58	3,48							
1	Xây dựng các tuyến đường quy hoạch trực chính xung quanh khu TDC 9A	BQLDA ĐTXD huyện	Trung tâm	DGT	1,12	0,99	0,13	0,13					0,13		Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 25/10/2019 của Hội đồng nhân dân huyện Côn Đảo Quyết định số 1320/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND huyện Côn Đảo	Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 28/9/2023 của HĐND huyện Côn Đảo về việc điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2023	Đất nhà nước + đất dân	NS huyện	2,74	Đang thực hiện công tác bồi thường GPMB	Phù hợp QHSDD; Có trong danh mục trình thông qua HĐND tỉnh	Chuyển tiếp Nghị quyết 101/NQ-HĐND năm 10/12/2021
2	Xây dựng kết cấu hạ	UBND huyện Côn Đảo	KDC số 3, huyện	DGT	13,35	7,05	6,30	6,01			1,40		4,61	0,29	Quyết định số 3765/QĐ-UBND ngày	Quyết định số 3765/QĐ-UBND ngày	Đất nhà nước + đất dân	Ngân sách tỉnh	70,92	Đang triển khai thực hiện	-nt-	Chuyển tiếp Nghị quyết 79/NQ-

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư/ Đơn vị đăng ký	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích			Loại đất cần thu hồi, chuyển mục đích						Căn cứ pháp lý		Nguồn gốc đất	Nguồn vốn	Vốn cho GPMB (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện	Ghi chú	Nghị quyết HĐND	
					Tổng DT dự án	DT đã thực hiện	Thu hồi năm 2024	Đất nông nghiệp	Trong đó					Đất phi nông nghiệp	Văn bản về chủ trương đầu tư hoặc phê duyệt dự án đầu tư							Về bố trí nguồn vốn thực hiện công tác BT, GPMB
									Đất lúa 1 vụ	Đất lúa 2 vụ	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất nông nghiệp còn lại									
1	Hồ chứa nước Lò Vôi	Ban QLDA chuyên ngành NN & PTNT	Trung tâm	DTL	3,89	3,83	0,06	0,06						0,06	<p>QĐ phê duyệt CTĐT số 1569/QĐ-UBND ngày 14/6/2018 của UBND tỉnh;</p> <p>QĐ số 3001/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của UBND tỉnh phê duyệt dự án;</p> <p>QĐ số 3200/QĐ-UBND ngày 14/10/2021 điều chỉnh dự án; QĐ số 1262/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 phê duyệt điều chỉnh CTĐT</p>	<p>Văn bản số 3715/SKHĐT-KX ngày 11/10/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc Cung cấp thông tin lập Danh mục dự án có thu hồi đất để thực hiện trong năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; QĐ số 1773/QĐ-UBND ngày 28/7/2023</p>	Đất dân	Ngân sách Tỉnh	3,26	<p>Dự án đã thu hồi diện tích 3,83 ha/ 07 hộ, tổ chức. Đang triển khai công tác đo đạc hạng mục đường vào hồ khoảng 0,06 đất dân (đất BHK) và kênh dân sau tràn thuộc Hạng mục tràn xả lũ - Đất Nhà nước quản lý với Phân diện tích khoảng 0,31ha;</p>	Phù hợp QHSDD; Có trong danh mục trình thông qua HĐND tỉnh	Dự án Dự án chuyên tiếp NQ số 79/NQ-HĐND ngày 10/12/2022.
2	Mở rộng, nạo vét hồ An Hải	UBND huyện Côn Đảo	Trung tâm	DTL	23,35	22,50	0,85	0,85						0,85	<p>Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 18/7/2019 của HĐND tỉnh; PD chủ trương đầu tư; QĐ số 2941/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh PD dự án;</p>	<p>Văn bản số 3715/SKHĐT-KX của Sở KHĐT ngày 11/10/2023 V/v Cung cấp thông tin lập Danh mục dự án có thu hồi đất để thực hiện trong năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu</p>	Đất nhà nước + đất dân	Ngân sách tỉnh	20,00	<p>- Dự án đã thi công hoàn thiện nạo vét lòng hồ và hạng mục kè, đang triển khai thi công các hạng mục còn lại.</p> <p>- Đã thực hiện thi công dự án trên phần đất nhà nước quản lý là 22,5 ha, còn lại khoảng 0,85ha đất nhà nước quản lý người dân đang sử dụng chưa triển khai thi công</p>	-nt-	Chuyên tiếp Nghị quyết 101/NQ-HĐND ngày 10/12/2021
IV	Đất di tích lịch sử (1 dự án)				41,04	40,79	0,25	0,25						0,25								
1	Bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Nhà tù Côn	Sở Văn hoá và Thể thao	Huyện Côn Đảo	Di tích	41,04	40,79	0,25	0,25						0,25	<p>Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 04/8/2020 của HDND tỉnh; Quyết định số 1673/QĐ-</p>	<p>Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 06/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị Quyết số 32/NQ-HĐND</p>	Đất nhà nước quản lý	Ngân sách tỉnh	0,55	<p>Đã phê duyệt dự án đầu tư</p>	Phù hợp QHSDD; Có trong danh mục trình thông qua	

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư/ Đơn vị đăng ký	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích			Loại đất cần thu hồi, chuyển mục đích						Căn cứ pháp lý		Nguồn gốc đất	Nguồn vốn	Vốn cho GPMB (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện	Ghi chú	Nghị quyết HĐND		
					Tổng DT dự án	DT đã thực hiện	Thu hồi năm 2024	Đất nông nghiệp	Trong đó					Đất phi nông nghiệp	Văn bản về chủ trương đầu tư hoặc phê duyệt dự án đầu tư							Về bố trí nguồn vốn thực hiện công tác BT, GPMB	
									Đất lúa 1 vụ	Đất lúa 2 vụ	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất nông nghiệp còn lại										
1	Cải tạo, chỉnh trang cảnh quang khu vực hồ Quang Trung II (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD	KDC số 2, huyện Côn Đảo	DKV	0,08	0,08	0,08							0,08		Nghị Quyết 29/NQ-HĐND ngày 28/9/2023 của HĐND huyện Côn Đảo về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 28/9/2023 của HĐND huyện Côn Đảo về việc điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2023; Văn bản số 3858/UBND-QLDA ngày 05/10/2023 của UBND huyện Côn Đảo về việc cam kết bố trí vốn GPMB trong năm 2024	Đất dân	Ngân sách huyện	9	Đang lập thủ tục BTGPMB	Phù hợp QHSDD; Có trong danh mục trình thông qua HĐND tỉnh	

PHỤ LỤC 8:
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN DỰ KIẾN THỰC HIỆN GIAO, THUÊ ĐẤT TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT
NĂM 2024 CỦA HUYỆN CÔN ĐẢO, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Đơn vị tính: ha

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích				Nguồn gốc đất	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện năm 2024	Giao/ thuê đất			
TỔNG : 27 DỰ ÁN					59,20	0,90	58,23	58,23			
A	CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 (22 DỰ ÁN)				19,62		19,55	19,55			
I	Đất quốc phòng (1 dự án)				3,30		3,30	3,30			
1	Trạm rada phòng không 367	Sư đoàn phòng không 367	Đỉnh Núi Thánh Giá	CQP	0,30		0,30	0,30	Nhà nước quản lý	CV số 8392/UB.XD ngày 08/12/2010 của UBND tỉnh	Phù hợp QHSDD
	Trạm rada phòng không 367	Sư đoàn phòng không 367	Chân Núi Thánh Giá	CQP	3,00		3,00	3,00	Nhà nước quản lý	CV số 7135/UB.XD ngày 19/10/2010 của UBND tỉnh	
II	Đất an ninh (1 dự án)				0,27		0,27	0,27			
1	Trụ sở đội cảnh sát PCCC huyện Côn Đảo	Công an tỉnh BR - VT	Trung tâm	CAN	0,27		0,27	0,27	Đất nhà nước	Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, QPAN và dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2021 - Quyết định số 3285/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 về việc phê duyệt dự án	Phù hợp QHSDD; Đã xây dựng xong
III	Đất thương mại, dịch vụ (1 dự án)				0,10		0,06	0,06			
1	Xây dựng 2 bể điều áp đầu các tuyến Bến Đầm, Cỏ Ống	Trạm cung cấp nước Côn Đảo	Bến Đầm, Cỏ Ống	TMD	0,10		0,06	0,06	Đất nhà nước	Văn bản số 3163/UBND-VP ngày 12/5/2015 của UBND tỉnh về việc thỏa thuận địa điểm để khảo sát, nghiên cứu lập dự án đầu tư xây dựng Bể chứa nước ngọt và bể điều áp tại huyện Côn Đảo Văn bản số 5119/STNMT-CCQLĐĐ ngày 3/9/2019 của Sở tài nguyên và môi trường V/v kết quả thẩm định nhu cầu sử dụng đất đối với việc xin giao đất của Trạm cung cấp nước huyện Côn Đảo để thực hiện xây dựng công trình Cấp nước tại huyện Côn Đảo Văn bản số 4863/STNMT-CCQLĐĐ ngày 27/7/2022 của Sở tài nguyên và môi trường V/v chuyển trả hồ sơ xin giao đất của Trạm Cung cấp nước huyện Côn Đảo để thực hiện xây dựng công trình Cấp nước tại huyện Côn Đảo	Phù hợp QHSDD; Đã xây dựng xong
IV	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (1 dự án)				0,45		0,45	0,45			
1	Nhà máy nước Lớn (Xây dựng Bể chứa nước tại Nhà máy nước Lớn)	Trạm cung cấp nước huyện Côn Đảo	Đường Huỳnh Thúc Kháng, khu	SKC	0,45		0,45	0,45	Đất nhà nước	Văn bản số 3163/UBND-VP ngày 12/5/2015 của UBND tỉnh về việc thỏa thuận địa điểm để khảo sát, nghiên cứu lập dự án đầu tư xây dựng Bể chứa nước ngọt và bể điều áp tại huyện Côn Đảo	Phù hợp QHSDD; Đã xây dựng xong

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích			Nguồn gốc đất	Căn cứ pháp lý	Ghi chú	
					Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện năm 2024				
			3, huyện Côn Đảo						Văn bản số 5119/STNMT-CCQLĐĐ ngày 3/9/2019 của Sở tài nguyên và môi trường V/v kết quả thẩm định nhu cầu sử dụng đất đối với việc xin giao đất của Trạm cung cấp nước huyện Côn Đảo để thực hiện xây dựng công trình Cấp nước tại huyện Côn Đảo Văn bản số 4863/STNMT-CCQLĐĐ ngày 27/7/2022 của Sở tài nguyên và môi trường V/v chuyển trả hồ sơ xin giao đất của Trạm Cung cấp nước huyện Côn Đảo để thực hiện xây dựng công trình Cấp nước tại huyện Côn Đảo		
V	Đất giao thông (4 dự án)				8,86		8,86	8,86			
1	Kéo dài đường trước mặt Trường THCS Lê Hồng Phong đến điểm giao với đường Nguyễn Huệ	Phòng Kinh tế	Trung tâm	DGT	0,42		0,42	0,42	Đất nhà nước	Quyết định số 892/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 của UBND huyện, phê duyệt báo cáo KTKT	Phù hợp QHSDĐ; Đã thi công
2	Cảng tàu khách Côn Đảo	Ban Quản lý cảng Bến Đầm	Khu 5, huyện Côn Đảo	DGT	1,84		1,84	1,84	Đất nhà nước	-Quyết định số 2097/QĐ-UBND ngày 14/6/2007;	Phù hợp QHSDĐ; Đã xây dựng xong
3	Nâng cấp đường vào bãi Đầm Trầu	Ban Quản lý Công trình công cộng	Khu Cò Ông	DGT	1,58		1,58	1,58	Đất nhà nước	Văn bản số 659/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND huyện Côn Đảo. -VB số 7182/UBND-VP ngày 30/9/2014 của UBND tỉnh BR-VT	Phù hợp QHSDĐ; Đã thi công
4	Nâng cấp đường Huỳnh Thúc Kháng	BQLDA ĐTXD huyện	Khu 3, H. Côn Đảo	DGT	5,02		5,02	5,02	Đất nhà nước + đất dân	QĐ số 2913/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND tỉnh phê duyệt dự án; NQ số 113/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh; NQ số 51/NQ-HĐND ngày 18/7/2019 của HĐND tỉnh	Phù hợp QHSDĐ
VI	Đất công trình năng lượng (1 dự án)				0,21		0,18	0,18			
1	Cấp điện từ lưới điện quốc gia cho huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Trạm biến áp 110 KV và hành lang an toàn xây dựng lưới điện 110kV từ vị trí tiếp bờ Côn Đảo)	Tập đoàn điện lực Việt Nam EVN	Trung tâm	DNL	0,21		0,18	0,18	Đất nhà nước	Văn bản 2697/STC-QLGCS&TCDN ngày 14/7/2020 của Sở tài chính v/v bàn giao nhà máy điện An Hội cho công ty điện lực BRVT Quyết định 708/QĐ-TTg ngày 16/6/2023 của Thủ tướng phê duyệt Chủ trương đầu tư dự án; Văn bản số 1847/SCT-QLNL ngày 18/7/2023 của Sở công thương v/v phối hợp cập nhật nhu cầu sử dụng đất của dự án Cấp điện từ lưới điện quốc gia cho huyện Côn Đảo vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Côn Đảo Văn bản số 963/EVNPMB3-BT ngày 9/8/2023 của BQLDA điện 3 V/v đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cho Dự án Cấp điện từ lưới điện Quốc gia cho	Phù hợp QHSDĐ

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích			Nguồn gốc đất	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện năm 2024			
									<p>huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phạm vi trên địa bàn huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.</p> <p>Văn bản số 11875/UBND-VP ngày 06/09/2023 của UBND tỉnh về việc kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cho Dự án Cấp điện từ lưới điện Quốc gia cho huyện Côn Đảo</p> <p>Văn bản số 12154/UBND-VP ngày 11/09/2023 của UBND tỉnh về phương án tuyển dự án Cấp điện từ lưới điện Quốc gia cho huyện Côn Đảo;</p> <p>Văn bản số 13266/UBND-VP ngày 28/9/2023 của UBND tỉnh v/v phương án tuyển dự án Cấp điện từ lưới điện Quốc gia cho huyện Côn Đảo</p>	
VII	Đất công trình bưu chính viễn thông (2 dự án)				0,98		0,98	0,98		
1	Viễn thông Bà Rịa Vũng Tàu		Cỏ ống	DBV	0,49		0,49	0,49	Quyết định cho thuê đất số 3666/QĐ-UBT ngày 25/12/1997. HĐ thuê đất số 16/HĐTĐ ngày 31/03/1998. Giao cho bưu điện Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cũ	Phù hợp QHSĐĐ
2	Viễn thông Bà Rịa Vũng Tàu		Bến Đầm	DBV	0,49		0,49	0,49	Quyết định cho thuê đất số 3666/QĐ-UBT ngày 25/12/1997. HĐ thuê đất số 16/HĐTĐ ngày 31/03/1998. Giao cho bưu điện Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cũ	Phù hợp QHSĐĐ
VIII	Đất cơ sở y tế (1 dự án)				1,14		1,14	1,14		
1	Đầu tư mới Trung tâm y tế Quân dân y	BQLDA CN.DD&CN tỉnh	Trung tâm	DYT	1,14		1,14	1,14	Đất nhà nước, đất dân	Phù hợp QHSĐĐ
									<p>NQ số 23/NQ-HĐND ngày 7/5/2021 của HĐND tỉnh BRVT</p> <p>NQ số 112/NQ-HĐND ngày 13/12/2021 của HĐND tỉnh BRVT</p> <p>QĐ số 1422/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 của UBND tỉnh</p> <p>QĐ số 2760/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2021</p> <p>Văn bản số 2040/SXD-QHKT ngày 27/5/2021 của Sở xây dựng V/v giới thiệu địa điểm để thực hiện các thủ tục liên quan đến đầu tư xây dựng dự án đầu tư mới Trung tâm Y tế Quân - Dân y, huyện Côn Đảo</p> <p>Văn bản số 3545/UBND-TNMT ngày 18/9/2023 của UBND huyện Côn Đảo V/v có ý kiến đối với đề nghị xác nhận đất sạch dự án Đầu tư mới Trung tâm Y tế Quân - Dân y huyện Côn Đảo;</p> <p>Quyết định số 2742/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án Đầu tư mới Trung tâm y tế Quân-Dân y huyện Côn Đảo;</p> <p>Văn bản số 6707/STNMT-QLĐĐ ngày 06/10/2023 của Sở Tài nguyên & Môi trường về việc nhu cầu sử dụng đất của Ban quản lý dự án chuyên ngành dân dụng và</p>	

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích				Nguồn gốc đất	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện năm 2024	Giao/thuê đất			
									công nghiệp tinh xin giao 11.359,3m2 đất tại huyện Côn Đảo để sử dụng vào mục đích: Đầu tư mới Trung tâm y tế Quân-Dân y huyện Côn Đảo; Đơn đăng ký nhu cầu sử dụng đất ngày 22/9/2023 của BQLDA CN.DD&CN tỉnh		
IX	Đất cơ sở giáo dục đào tạo (1 dự án)				0,50		0,50	0,50			
1	Trường tiểu học Côn Đảo k10	UBND huyện Côn Đảo	KDC số 3, huyện Côn Đảo	DGD	0,50		0,50	0,50	Đất nhà nước	NQ số 57/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của HĐND tỉnh	Phù hợp QHSDD; Đã hoàn thiện công trình
X	Đất di tích lịch sử (1 dự án)				0,13		0,13	0,13			
1	Chùa Núi Một	Chùa Vân Sơn Núi Một	Khu An Hải	DDT	0,13		0,13	0,13	Đất nhà nước	VB số 1424/TNMT của phòng TNMT huyện Côn Đảo ngày 5/12/2018	Phù hợp QHSDD
XI	Đất bãi thải xử lý chất thải (1 dự án)				1,48		1,48	1,48			
1	Hệ thống thu gom xử lý nước thải khu trung tâm Côn Đảo	UBND huyện Côn Đảo	Trung tâm	DRA	1,48		1,48	1,48	Đất nhà nước + đất dân	NQ số 56/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của HĐND tỉnh QĐ số 1422/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 của UBND tỉnh QĐ số 2760/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2021	Phù hợp QHSDD; Đã xây dựng xong
XII	Đất ở (2 dự án)				1,44		1,44	1,44			
1	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Lô K	Phòng TNMT huyện Côn Đảo	Trung tâm	ONT	0,80		0,80	0,80	Đất nhà nước + đất dân	QĐ số 1031/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 của UBND huyện	Phù hợp QHSDD
2	Nhà ở xã hội	UBND huyện Côn Đảo	Trung tâm	ONT	0,64		0,64	0,64	Đất nhà nước + đất dân	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 04/08/2020 của HĐND tỉnh Nghị quyết số 80/2019/NQ-HĐND ngày 25/10/2019 của HĐND tỉnh QĐ số 1521/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND huyện QĐ số 3839/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh vv giao chỉ tiêu kế hoạch vốn năm 2021	Phù hợp QHSDD; Đang xây dựng
V	Đất trụ sở cơ quan (1 dự án)				0,18		0,18	0,18			
1	Nhà máy nước nhỏ (Cải tạo, sửa chữa nhà quản lý trạm bơm nhà máy nước nhỏ)	Trạm cung cấp nước huyện Côn Đảo	23 Võ Thị Sáu, khu 6, huyện Côn Đảo	TSC	0,18		0,18	0,18	Đất nhà nước	Văn bản số 1039/UBND.TCKH ngày 03/4/2020; Giấy chứng nhận Quyền quản lý, sử dụng nhà đất thuộc trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước số 023193, cấp ngày 26/02/2003	Phù hợp QHSDD; Đã xây dựng xong
XIII	Đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp (3 dự án)				0,56		0,56	0,56			
1	Chốt kiểm dịch động vật Bến Đầm	P.Kinh tế	Khu Bến Đầm	DTS	0,15		0,15	0,15	Nhà nước quản lý	VB số 343/UBND-VP ngày 18/01/2012 của Ủy Ban Nhân Tinh Bà Rịa Vũng Tàu về việc thoả thuận địa điểm khảo sát, nghiên cứu lập dự án đầu tư xây dựng công trình Chốt Kiểm dịch động vật tại Bến Đầm, huyện Côn Đảo và Công văn số 3326/UBND-VP ngày 20/5/2014	Phù hợp QHSDD; Đã xây dựng xong

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích				Nguồn gốc đất	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện năm 2024	Giao/thuê đất			
										<p>của UBND tỉnh và TB số 167/TB-UBND ngày 09/7/2014 của UBND huyện CĐ thông báo về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Chốt Kiểm dịch động vật tại Bến Đầm, huyện Côn Đảo -VB số 1202/UBND-VP ngày 14 tháng 03 năm 2011 của Ủy Ban Nhân Tinh Bà Rịa Vũng Tàu về việc chủ trương lập Chốt Kiểm dịch động vật tại Bến Đầm, huyện Côn Đảo.</p> <p>-VB số 33/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội Đồng Nhân Dân Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu về Nghị Quyết thông qua diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng để thực hiện trong năm 2016 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu</p>	
2	Văn phòng đại diện cảng vụ hàng hải Vũng Tàu tại Côn Đảo	Cảng vụ hàng hải	Bến Đầm	DTS	0,11		0,11	0,11	Nhà nước quản lý	<p>Văn bản số 3039/CHHVN-KHTC ngày 10/9/2013 của Cục Hàng hải Việt Nam về chủ trương đầu tư xây dựng văn phòng Đại diện Cảng vụ Hàng hải Vũng tàu tại Côn Đảo;</p> <p>- Văn bản Số 6148/UBND-VP ngày 26/6/2019 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc tiếp tục triển khai dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Đại diện Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu tại Côn Đảo; Quyết định số 507/QĐ-CHHVN ngày 11/04/2019 của Cục Hàng Hải Việt Nam về việc cho phép lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình xây dựng trụ sở đại diện Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu tại Côn Đảo;</p> <p>Quyết định 896/QĐ-UBND ngày 17/4/2023 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc thu hồi 1.190 m2 đất tại huyện Côn Đảo để Đầu tư xây dựng trụ sở Đại diện Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu tại Côn Đảo.</p> <p>+ Quyết định 897/QĐ-UBND ngày 17/4/2023 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để thu hồi đất thực hiện Đầu tư xây dựng trụ sở Đại diện Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu tại Côn Đảo (đơn vị đã hoàn thành công tác bồi thường)</p> <p>- Tờ trình 506/TTr-STNMT ngày 28/8/2023 về việc đề nghị giao 1.176m2 đất tại huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu sử dụng vào mục đích xây dựng trụ sở làm việc để thực hiện dự án: Trụ sở đại diện Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu tại Côn Đảo; Văn bản số 8921/STNMT-CCQLĐĐ ngày 15/12/2022 về việc thẩm định phương án bồi thường dự án Trụ sở đại diện Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu tại Côn Đảo</p>	Phù hợp QHSDD

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích				Nguồn gốc đất	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện năm 2024	Giao/thuê đất			
3	Xây dựng trụ sở Trạm Cung Cấp Nước huyện Côn Đảo	Trạm Cung Cấp Nước huyện Côn Đảo	Khu 7, huyện Côn Đảo	DTS	0,3		0,3	0,3		Văn bản số 8238/UBND-VP ngày 25/11/2013 của UBND tỉnh về việc nghiên cứu, khảo sát lập dự án đầu tư xây dựng công trình Trạm cung cấp nước Côn Đảo; Văn bản số 5242/UBND-VP ngày 24/7/2014 của UBND tỉnh BRVT v/v thỏa thuận địa điểm để cấp phép quy hoạch, khảo sát, nghiên cứu lập dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Trạm cung cấp nước Côn Đảo. Văn bản số 5059/STNMT-CCQLĐĐ ngày 02/8/2022 của Sở tài nguyên và môi trường V/v thẩm định nhu cầu sử dụng đất 2.935,6m ² của Trạm cung cấp nước huyện Côn Đảo để sử dụng vào mục đích xây dựng trụ sở Trạm Cung cấp nước huyện Côn Đảo. Văn bản số 3967/SNN-NVTH ngày 7/10/2022 của Sở nông nghiệp &PTNT v/v kết quả xác định hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp trên diện tích thực hiện dự án đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Trạm cấp nước Côn Đảo.	Phù hợp QHSDD
XIV	Đất khu vui chơi giải trí công cộng (1 dự án)				0,02		0,02	0,02			
1	Nhà vệ sinh công cộng	BQL Công trình công cộng	Đường Nguyễn Huệ	DKV	0,02		0,02	0,02	Đất nhà nước	Hiện trạng đã sử dụng từ năm 2002	Phù hợp QHSDD
B	CÁC DỰ ÁN ĐĂNG KÝ GIAO, THUÊ ĐẤT ĐĂNG KÝ MỚI NĂM 2024 (5 dự án)				39,58	0,90	38,68	38,68			
I	Đất ở (1 dự án)				1,15	0,90	0,25	0,25			
1	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư trung tâm huyện Côn Đảo (tên dự án cũ: Cơ sở hạ tầng khu TĐC theo quy hoạch trung tâm Côn Đảo khu 9A)	UBND huyện Côn Đảo	Trung tâm	ONT	1,15	0,90	0,25	0,25	Đất nhà nước	Quyết định số 2955/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của UBND tỉnh; Quyết định số 3104/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh; Quyết định số 1888/QĐ-UBND ngày 25/7/2019 của UBND tỉnh; Quyết định số 2760/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2021; Tờ trình số 91/TTr-UBND ngày 18/9/2023 của UBND huyện Côn Đảo; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1103/QĐ-UBND ngày 12/5/2023 của UBND tỉnh	Phù hợp QHSDD
II	Đất giao thông (2 dự án)				27,16		27,16	27,16			
1	Tuyến đường nội bộ khu dân cư số 9 theo quy hoạch	BQLDA ĐTXD huyện	Trung tâm	DGT	0,50		0,50	0,50		NQ số 30/NQ-HĐND ngày 20/8/2021 của HĐND huyện Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND huyện	Phù hợp QHSDD
2	Đường trục phía Bắc trung tâm Côn Đảo	Ban QLDA chuyên ngành giao thông	Trung tâm	DGT	26,66		26,66	26,66	Đất nhà nước + đất dân	NQ số 79/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Quyết định 3147/QĐ -UBND ngày 30/10/2017; QĐ số	Phù hợp QHSDD

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích				Nguồn gốc đất	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện năm 2024	Giao/thuê đất			
										4679/QĐ-UBND giao chỉ tiêu kế hoạch PT KTXH - ANQP và dự toán thu chi ngân sách NN	
III	Đất thủy lợi (1 dự án)										
1	Nạo vét hồ Quang Trung 1	Ban QLDA chuyên ngành NN & PTNT	Trung tâm	DTL	21,75	21,75	21,75	Đất nhà nước	- Nghị quyết số 431/HĐND-VP ngày 27/10/2017 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư '-Quyết định số 2317/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư '-Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển KTXH năm 2021	Phù hợp QHSĐĐ	
IV	Đất chợ (1 dự án)				0,39	0,39	0,39				
1	Chợ Côn Đảo	UBND huyện	Đường Phạm Văn Đồng	DCH	0,39	0,39	0,39	Một phần đất thu hồi từ dân, một phần đất nhà nước (trong phần đất có nguồn gốc đất nhà nước có 300m2 thuộc GCN số 023194 cấp ngày 26/02/2003	+ Công văn số 1095/UBND-VP ngày 01/3/2012 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc thỏa thuận địa điểm để khảo sát, nghiên cứu lập dự án đầu tư xây dựng công trình Mở rộng chợ Côn Đảo mới tại khu trung tâm, huyện Côn Đảo. + Quyết định số 2964/QĐ-UBND ngày 07/12/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án xây dựng chợ Côn Đảo, huyện Côn Đảo; + Quyết định số 2380/QĐ-UBND ngày 31/8/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình chợ Côn Đảo, huyện Côn Đảo. + Quyết định số 870/QĐ-UBND ngày 04/10/2016 của UBND huyện Côn Đảo về việc thu hồi 1.286m2 đất của hộ bà Nguyễn Thị So - thường trú khu dân cư số 8, huyện Côn Đảo để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình: Chợ dân sinh Côn Đảo. + Quyết định số 869/QĐ-UBND ngày 04/10/2016 của UBND huyện Côn Đảo về việc thu hồi 871,2m2 đất của hộ ông Nguyễn Văn Thắng - thường trú khu dân cư số 8, huyện Côn Đảo để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình: Chợ dân sinh Côn Đảo. + Quyết định số 3204/QĐ-UBND ngày 21/10/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quyết toán hoàn thành dự án: Chợ Côn Đảo, huyện Côn Đảo. + Bản đồ địa chính chợ Côn Đảo hoàn thành theo Hợp đồng đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính số 103/HĐKT-VPĐK ngày 07/12/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Báo cáo số 99/BC-QLC ngày 2/11/2022 của Ban quản lý chợ Côn Đảo; Biên bản số 02/BBBG-QLDA ngày 9/7/2019 của Ban QLDA đầu tư	Phù hợp QHSĐĐ; Đã xây dựng xong	

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích				Nguồn gốc đất	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện năm 2024	Giao/thuê đất			
									xây dựng huyện; Thông báo số 482/TB-UBND ngày 5/12/2022 của UBND huyện; Báo cáo số 213/BC-UBND ngày 27/10/2015 của UBND huyện;		

PHỤ LỤC 9:

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN DỰ KIẾN THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ, ĐẤU THẦU QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 CỦA HUYỆN CÔN ĐẢO, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Đơn vị tính: ha

Stt	Tên dự án	Chủ đầu tư/Đơn vị đăng ký	Địa điểm	Diện tích	Loại đất		Căn cứ pháp lý	Nguồn gốc đất (**)	Ghi Chú
					Hiện trạng	Đưa ra đấu giá, đấu thầu			
CÁC DỰ ÁN ĐĂNG KÝ MỚI TRONG NĂM 2024 (9 DỰ ÁN)				8,28					
I	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (1 dự án)			1,06					
1	Xây dựng nhà máy nước sinh hoạt huyện Côn Đảo công suất 10,000m3/ng.đêm	UBND Huyện Côn Đảo	Trung tâm	1,06	RPH	SKC	TB 406/TB-UBND ngày 03/6/2021, CV số 9536/UBND-VP ngày 30/7/2021 của UBND tỉnh	Đất nhà nước	Phù hợp QHSDD
II	Đất thương mại, dịch vụ (5 dự án)			5,28					
1	Khu đất có diện tích 8.259,6m ² tại đường Ngô Gia Tự, trung tâm huyện Côn Đảo	UBND huyện Côn Đảo	H. Côn Đảo	0,83	CLN	TMD	Văn bản số 5755/UBND-VP ngày 23/6/2017 của UBND tỉnh	Đất do Nhà nước quản lý	Phù hợp QHSDD
2	Khu đất diện tích 17.347,3m ² (ký hiệu KS.2.2) tại trung tâm huyện Côn Đảo	UBND huyện Côn Đảo	H. Côn Đảo	1,73	CLN	TMD	Văn bản số 1962/UBND-VP ngày 07/3/2018 của UBND tỉnh	Đất do Nhà nước quản lý	-nt-
3	Khu đất có diện tích 7.721,9m ² (Ký hiệu KS.2.1) tại trung tâm huyện Côn Đảo	UBND huyện Côn Đảo	H. Côn Đảo	0,77	CLN	TMD	Văn bản số 11464/UBND-VP ngày 24/11/2017 của UBND tỉnh	Đất do Nhà nước quản lý	-nt-
4	Khu đất có diện tích 18.977,5m ² tại khu 1, Suối Ớt, huyện Côn Đảo	UBND huyện Côn Đảo	H. Côn Đảo	1,90	CLN	TMD	Công văn số 6000/UBND-VP ngày 30/6/2019 của UBND tỉnh	Đất do Nhà nước quản lý	-nt-
5	Khu đất có diện tích 533,4m ² tại đường Trần phú, huyện Côn Đảo	UBND huyện Côn Đảo	H. Côn Đảo	0,05	CLN	TMD	Công văn số 744/UBND-VP ngày 05/02/2020 của UBND tỉnh	Đất do Nhà nước quản lý	-nt-
III	Đất bãi thải, xử lý chất thải (1 dự án)			1,92					
1	Nhà máy xử lý rác huyện Côn Đảo	UBND huyện Côn Đảo	Bến Đầm	1,92	RDD	DRA	Văn bản số 6035/UBND-VP ngày 27/5/2022 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Quyết định số 4679/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Đất RDD VQG Côn Đảo	Phù hợp QHSDD
IV	Đất ở (2 dự án)			0,02					
1	Trụ sở đội Thuế cũ đường Tôn Đức Thắng, huyện Côn Đảo	Sở Tài chính	H. Côn Đảo	0,01	TSC	ONT	VB 3554/STC-QLGCS&TCĐN đk KHSDĐ 2024 ngày 3/7/2023 của sở tài chính 18880/UBND-VP ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh giao TTQL&PT nhà ở lập phương án bán; QĐ 2112/QĐ-BTC ngày 05/11/2021 của Bộ Tài chính Quyết định số 1095/QĐUBND ngày 01/4/2022 của UBND tỉnh	Đất do Nhà nước quản lý	Phù hợp QHSDD

Stt	Tên dự án	Chủ đầu tư/Đơn vị đăng ký	Địa điểm	Diện tích	Loại đất		Căn cứ pháp lý	Nguồn gốc đất (**)	Ghi Chú
					Hiện trạng	Đưa ra đấu giá, đấu thầu			
2	Khu đất có diện tích 95,7m2 tại đường Phạm Văn Đồng, huyện Côn Đảo	UBND huyện Côn Đảo	Trung tâm	0,01	CLN	ONT	Công văn số 3865/UBND-VP ngày 21/4/2020 của UBND tỉnh	Nhà nước quản lý	-nt-

PHỤ LỤC 10:

DANH SÁCH HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT THEO VĂN BẢN 7093/STNMT-VPĐK TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

Đơn vị tính: ha

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích				Nguồn gốc đất	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện năm 2024	Giao/ thuê đất			
A	CÁC HỒ SƠ ĐĂNG KÝ GIAO, THUÊ ĐẤT THEO VĂN BẢN 7093/STNMT-VPĐK (28 dự án)				55,61		55,61	55,61			
I	Đất di tích lịch sử (20 dự án)				49,95		49,95	49,95			
1	Trung tâm Bảo tồn di tích Quốc gia Côn Đảo (Phòng điều tra)		Trung tâm	DDT	0,05		0,05	0,05		VB số 7093/STNMT-VPĐK ngày 14/10/2022 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh BRVT	Phù hợp QHSDĐ
2	Trung tâm Bảo tồn di tích Quốc gia Côn Đảo (Sở Cò)		Trung tâm	DDT	0,15		0,15	0,15		-nt-	-nt-
3	Trung tâm Bảo tồn di tích Quốc gia Côn Đảo (Nhà Chúa Đảo)		Trung tâm	DDT	2,08		2,08	2,08		VB số 7093/STNMT-VPĐK ngày 14/10/2022 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh BRVT	-nt-
4	Trung tâm Bảo tồn di tích Quốc gia Côn Đảo (Trại Phú Hải)		Trung tâm	DDT	1,29		1,29	1,29		VB số 7093/STNMT-VPĐK ngày 14/10/2022 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh BRVT	-nt-
5	Trung tâm Bảo tồn di tích Quốc gia Côn Đảo (Trại Phú Sơn)		Trung tâm	DDT	1,52		1,52	1,52		VB số 7093/STNMT-VPĐK ngày 14/10/2022 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh BRVT	-nt-
6	Trung tâm Bảo tồn di tích Quốc gia Côn Đảo (Nghĩa trang Hàng Dương)		Trung tâm	DDT	21,44		21,44	21,44		VB số 7093/STNMT-VPĐK ngày 14/10/2022 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh BRVT	-nt-
7	Trung tâm Bảo tồn di tích Quốc gia Côn Đảo (Nghĩa trang Hàng Keo)		Trung tâm	DDT	9,55		9,55	9,55		VB số 7093/STNMT-VPĐK ngày 14/10/2022 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh BRVT	-nt-
8	Trung tâm Bảo tồn di tích Quốc gia Côn Đảo (Trại Phú Bình)		Trung tâm	DDT	2,96		2,96	2,96		VB số 7093/STNMT-VPĐK ngày 14/10/2022 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh BRVT	-nt-
9	Trung tâm Bảo tồn di tích Quốc gia Côn Đảo (Trại Phú An)		Trung tâm	DDT	2,94		2,94	2,94		VB số 7093/STNMT-VPĐK ngày 14/10/2022 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh BRVT	-nt-

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích				Nguồn gốc đất	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện năm 2024	Giao/thuê đất			
10	Trung tâm Bảo tồn di tích Quốc gia Côn Đảo (Trại Phú Hưng)		Trung tâm	DDT	2,94		2,94	2,94		VB số 7093/STNMT-VPĐK ngày 14/10/2022 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh BRVT	-nt-
11	Trung tâm Bảo tồn di tích Quốc gia Côn Đảo (Trại Phú Phong)		Trung tâm	DDT	0,68		0,68	0,68		VB số 7093/STNMT-VPĐK ngày 14/10/2022 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh BRVT	-nt-
12	Trung tâm Bảo tồn di tích Quốc gia Côn Đảo (Trại Phú Tường)		Trung tâm	DDT	0,59		0,59	0,59		VB số 7093/STNMT-VPĐK ngày 14/10/2022 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh BRVT	-nt-
13	Trung tâm Bảo tồn di tích Quốc gia Côn Đảo (Trại Phú Thọ)		Trung tâm	DDT	1,36		1,36	1,36		VB số 7093/STNMT-VPĐK ngày 14/10/2022 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh BRVT	-nt-
14	Trung tâm Bảo tồn di tích Quốc gia Côn Đảo (Nhà Công quán)		Trung tâm	DDT	0,10		0,10	0,10		VB số 7093/STNMT-VPĐK ngày 14/10/2022 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh BRVT	-nt-
15	Trung tâm Bảo tồn di tích Quốc gia Côn Đảo (Chuồng cạp-Pháp)		Trung tâm	DDT	0,55		0,55	0,55		VB số 7093/STNMT-VPĐK ngày 14/10/2022 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh BRVT	-nt-
16	Trung tâm Bảo tồn di tích Quốc gia Côn Đảo (Sở lò vôi)		Trung tâm	DDT	0,50		0,50	0,50		VB số 7093/STNMT-VPĐK ngày 14/10/2022 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh BRVT	-nt-
17	Trung tâm Bảo tồn di tích Quốc gia Côn Đảo (Sở Muối)		Trung tâm	DDT	0,20		0,20	0,20		VB số 7093/STNMT-VPĐK ngày 14/10/2022 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh BRVT	-nt-
18	Trung tâm Bảo tồn di tích Quốc gia Côn Đảo (Khu biệt lập chuồng bò)		Trung tâm	DDT	0,64		0,64	0,64		VB số 7093/STNMT-VPĐK ngày 14/10/2022 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh BRVT	-nt-
19	Trung tâm Bảo tồn di tích Quốc gia Côn Đảo (Cầu Ma thiên lãnh)		Trung tâm	DDT	0,15		0,15	0,15		VB số 7093/STNMT-VPĐK ngày 14/10/2022 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh BRVT	-nt-
20	Trung tâm Bảo tồn di tích Quốc gia Côn Đảo (Cầu Tàu 914)	Trung tâm bảo tồn di tích quốc gia CĐ	Trung tâm	DDT	0,26		0,26	0,26		VB số 7093/STNMT-VPĐK ngày 14/10/2022 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh BRVT	-nt-
II	Đất xây dựng cơ sở văn hóa (4 dự án)				5,15		5,15	5,15			
1	Trung tâm văn hóa thông tin thể thao Côn Đảo (KDC số 2)		Trung tâm	DVH	0,33		0,33	0,33		VB số 7093/STNMT-VPĐK ngày 14/10/2022 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh BRVT Công văn số 1051/UBND-VP ngày 20/02/2013 V/v thỏa thuận lại địa điểm dự án xây dựng Trung tâm Văn hóa – Học tập cộng đồng khu dân cư số 02; Quyết định số: 1297/QĐ-UBND ngày 06/11/2013 V/v phê duyệt BCKT KT Công trình Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng khu dân cư số 02, huyện Côn Đảo	Phù hợp QHSDĐ

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích				Nguồn gốc đất	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện năm 2024	Giao/thuê đất			
										Văn bản số 5262/STNMT-CCQLĐĐ ngày 9/8/2022 V/v thẩm định nhu cầu sử dụng đất của Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao huyện Côn Đảo để phục vụ hoạt động sự nghiệp phát thanh truyền hình huyện Côn Đảo	
2	Trung tâm văn hóa thông tin thể thao Côn Đảo (KDC số 3)		Trung tâm	DVH	0,21		0,21	0,21		VB số 7093/STNMT-VPĐK ngày 14/10/2022 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh BRVT Công văn số 1741/UBND - VP ngày 20/03/2013 V/v thỏa thuận lại địa điểm dự án xây dựng Trung tâm Văn hóa – Học tập cộng đồng khu dân cư số 03; Quyết định số: 826/QĐ-UBND ngày 07/10/2014 V/v phê duyệt BCKT KT Công trình Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng Văn bản số 5262/STNMT-CCQLĐĐ ngày 9/8/2022 V/v thẩm định nhu cầu sử dụng đất của Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao huyện Côn Đảo để phục vụ hoạt động sự nghiệp phát thanh truyền hình huyện Côn Đảo	-nt-
3	Nhà bảo tàng Côn Đảo		Trung tâm	DVH	2,06		2,06	2,06		VB số 7093/STNMT-VPĐK ngày 14/10/2022 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh BRVT	-nt-
4	Trung tâm Bảo tồn di tích Quốc gia Côn Đảo (Đền thờ Côn Đảo)		Trung tâm	DDT	2,55		2,55	2,55		VB số 7093/STNMT-VPĐK ngày 14/10/2022 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh BRVT	-nt-
III	Đất xây dựng trụ sở cơ quan (2 dự án)				0,39		0,39	0,39			
1	Viện Kiểm sát nhân dân Côn Đảo (Trụ sở mới)		Trung tâm	TSC	0,19		0,19	0,19		VB số 7093/STNMT-VPĐK ngày 14/10/2022 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh BRVT	-nt-
2	Chi Cục thi hành án dân sự huyện Côn Đảo		Trung tâm	TSC	0,2		0,2	0,2		VB số 7093/STNMT-VPĐK ngày 14/10/2022 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh BRVT	-nt-
IV	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp (2 dự án)				0,12		0,12	0,12			
1	Ban quản lý Vườn Quốc gia (Trạm Cỏ Ống)		Cỏ Ống	TSC	0,06		0,06	0,06		VB số 7093/STNMT-VPĐK ngày 14/10/2022 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh BRVT	Phù hợp QHSĐĐ
2	Ban quản lý Vườn Quốc gia Côn Đảo (Trạm kiểm lâm Cơ động)		Trung tâm	TSC	0,06		0,06	0,06		VB số 7093/STNMT-VPĐK ngày 14/10/2022 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh BRVT	-nt-

